

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 2 – Đề số 1**Môn: Địa lí - Lớp 10****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- ✓ *Củng cố kiến thức về lịch sử, địa lí phân giữa học kì 2.*
- ✓ *Rèn luyện kỹ năng giải thích, phân tích, đánh giá các sự kiện, vấn đề lịch sử, địa lí*

Câu 1: Cơ cấu dân số hoạt động theo khu vực kinh tế có sự thay đổi theo hướng nào?

- A. Tăng tỉ trọng lao động khu vực I, giảm tỉ trọng lao động khu vực II và III.
- B. Tăng tỉ trọng lao động khu vực II, giảm tỉ trọng lao động khu vực III.
- C. Tăng tỉ trọng lao động khu vực II và III.
- D. Giảm tỉ trọng lao động khu vực I, và II.

Câu 2: Nhân tố quyết định đến việc phân bố dân cư là

- A. điều kiện khí hậu, đất đai, địa hình.
- B. lịch sử khai thác lãnh thổ.
- C. trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.
- D. di cư.

Câu 3: Cơ cấu dân số thể hiện được tổng hợp tình hình sinh tử, tuổi thọ, khả năng phát triển dân số và nguồn lao động của một quốc gia là gì?

- A. Cơ cấu dân số theo lao động.
- B. Cơ cấu dân số theo giới.
- C. Cơ cấu dân số theo độ tuổi.
- D. Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa.

Câu 4: Ảnh hưởng tích cực của đô thị hoá là

- A. làm cho nông thôn mất đi nguồn nhân lực lớn.
- B. tỉ lệ dân số thành thị tăng lên một cách tự phát.
- C. tình trạng thất nghiệp ở thành thị ngày càng tăng.
- D. góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động.

Câu 5: Nhân tố nào sau đây là căn cứ để phân loại nguồn lực?

- A. Vai trò.
- B. Nguồn gốc và phạm vi lãnh thổ.
- C. Mức độ ảnh hưởng.
- D. Thời gian.

Câu 6: Tốc độ gia tăng dân số thế giới trong thế kỉ XXI

- A. rất nhanh.
- B. nhanh.
- C. có xu hướng giảm.
- D. không tăng, không giảm.

Câu 7: Cơ cấu kinh tế bao gồm:

- A. cơ cấu theo ngành, vốn đầu tư và thuế.
- B. cơ cấu theo vùng kinh tế và vốn đầu tư nước ngoài.
- C. cơ cấu theo thành phần kinh tế và vốn đầu tư nước ngoài.
- D. cơ cấu theo ngành, theo thành phần và cơ cấu theo lãnh thổ.

Câu 8: Giới hạn dưới của vỏ địa lí ở lục địa là

- A. lớp man – ti trên.
- B. hết lớp đất.
- C. hết lớp vỏ phong hóa.
- D. hết các tầng đá.

Câu 9: Yếu tố tự nhiên tác động tới

- A. tốc độ đô thị hoá.
- B. lối sống của dân đô thị.
- C. cơ cấu lao động.
- D. chức năng và bản sắc đô thị.

Câu 10: Nguyên nhân tạo nên quy luật phi địa đới là

- A. sự chuyển động của các dòng biển nóng, lạnh ngoài đại dương đã ảnh hưởng tới khí hậu của các vùng đất ven bờ.
- B. độ dốc và hướng phơi của địa hình làm thay đổi lượng bức xạ mặt trời ở các vùng núi.
- C. năng lượng bên trong Trái Đất đã phân chia Trái Đất ra lục địa, đại dương và địa hình núi cao.
- D. năng lượng bên ngoài Trái Đất đã sinh ra ngoại lực làm hình thành nhiều dạng địa hình khác nhau trên bề mặt Trái Đất.

Câu 11: Với quy luật về sự thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí, khi tiến hành các hoạt động khai thác tự nhiên trong vỏ địa lí cần hết sức chú ý

- A. mỗi thành phần của vỏ địa lí là một bộ phận riêng biệt, cần được bảo vệ.
- B. sự can thiệp vào mỗi thành phần của vỏ địa lí sẽ gây phản ứng dây chuyền tới các thành phần khác.
- C. để đạt hiệu quả cao, cần tác động vào các thành phần của vỏ địa lí cùng một lúc.
- D. hết sức hạn chế việc tác động vào các thành phần của vỏ địa lí.

Câu 12: Khi các vỏ bộ phận (thạch quyển, khí quyển, thủy quyển, sinh quyển) xâm nhập và tác động lẫn nhau được gọi là

- A. điều kiện tự nhiên.
- B. vỏ Trái Đất.
- C. cảnh quan.
- D. vỏ địa lí.

Câu 13: Đâu **không phải** là nhân tố nào làm cho tỉ suất sinh thấp?

- A. Số người ngoài độ tuổi lao động nhiều.
- B. Phong tục tập quán lạc hậu.
- C. Kinh tế - xã hội phát triển ở trình độ cao.
- D. Mức sống cao.

Câu 14: Động lực phát triển dân số là

- A. tỉ suất sinh thô.
- B. tỉ suất nhập cư.
- C. tỉ suất tăng tự nhiên dân số.
- D. tỉ suất tăng dân số cơ học.

Câu 15: Căn cứ vào yếu tố nào sau đây để phân chia thành nguồn lực trong nước và ngoài nước?

- A. Nguồn gốc.
- B. Phạm vi lãnh thổ.
- C. Mức độ ảnh hưởng.
- D. Thời gian.

Câu 16: Vốn, thị trường, khoa học và công nghệ, kinh nghiệm quản lí từ các nước khác ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế - xã hội của một nước, được gọi là

- A. nguồn lực tự nhiên.
- B. nguồn lực tự nhiên – xã hội.
- C. nguồn lực từ bên trong.
- D. nguồn lực từ bên ngoài.

Câu 17: Đặc điểm nào dưới đây là đặc điểm của tháp dân số kiểu mở rộng?

- A. Tháp có dạng phình to ở giữa, thu hẹp về 2 phía đáy và đỉnh tháp.
- B. Đáy tháp rộng, đỉnh tháp nhọn, các cạnh thoải thoải.
- C. Tháp có dạng hẹp ở phần đáy và mở rộng hơn ở phần đỉnh.
- D. Đáy và đỉnh mở rộng, thu hẹp ở giữa.

Câu 18: Đặc trưng nào sau đây **không đúng** với các nước có cơ cấu dân số trẻ?

- A. Tỷ lệ dân số phụ thuộc ít.
- B. Tỷ lệ dân số dưới 15 tuổi rất cao.
- C. Nguồn lao động dự trữ dồi dào.
- D. Việc làm, giáo dục, y tế là những vấn đề nan giải và cấp bách.

Câu 19: Với sự phát triển kinh tế - xã hội của một số quốc gia, nguồn lực có vai trò quan trọng nhất là gì?

- A. Ngoại lực.
- B. Nội lực.
- C. Vị trí địa lí.
- D. Tài nguyên thiên nhiên.

Câu 20: Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU DÂN SỐ THEO NHÓM TUỔI CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1999 – 2014 (%)

Nhóm tuổi	1999	2009	2014
0-14	35,1	24,4	23,5
15-59	59,1	69,3	69,4
60 trở lên	5,8	6,5	7,1

Dựa vào bảng số liệu trên, cho biết kết cấu dân số nước ta là gì?

- A. Dân số già.
- B. Dân số già và tiếp tục suy giảm.
- C. Dân số trẻ.
- D. Dân số trẻ nhưng đang già hóa.

Câu 21: Tại sao người ta lại di cư từ địa phương này đến địa phương khác, thậm chí từ nước này đến nước khác? Di cư có tác động đến kinh tế, xã hội, môi trường như thế nào?

Câu 22: Tại sao cơ cấu lao động theo các khu vực (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ) lại khác nhau giữa các nước?

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

1.C	2.C	3.C	4.D	5.B	6.C	7.D	8.C	9.D	10.C
11.B	12.D	13.A	14.C	15.B	16.D	17.B	18.A	19.B	20.D

Câu 1 (NB):**Phương pháp:**

Xem lại kiến thức về đặc điểm cơ cấu dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.

Cách giải:

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế → Cơ cấu dân số hoạt động theo khu vực kinh tế có sự thay đổi theo hướng tăng tỉ trọng lao động khu vực II và III.

Chọn C.**Câu 2 (NB):****Phương pháp:**

SGK Địa lí 10, phần Địa lí dân cư.

Cách giải:

Nhân tố quyết định đến việc phân bố dân cư là trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Chọn C.**Câu 3 (NB):****Phương pháp:**

SGK Địa lí 10, phần Địa lí dân cư.

Cách giải:

Cơ cấu dân số thể hiện được tổng hợp tình hình sinh tử, tuổi thọ, khả năng phát triển dân số và nguồn lao động của một quốc gia là cơ cấu dân số theo độ tuổi.

Chọn C.

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, phần Địa lí dân cư.

Cách giải:

Ảnh hưởng tích cực của đô thị hoá là góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động.

Chọn D.

Câu 5 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, phần Các nguồn lực phát triển kinh tế.

Cách giải:

Nguồn gốc và phạm vi lãnh thổ là căn cứ để phân loại nguồn lực.

Chọn B.

Câu 6 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, phần Địa lí dân cư.

Cách giải:

Tốc độ gia tăng dân số thế giới trong thế kỉ XXI có xu hướng giảm.

Chọn C.

Câu 7 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, phần Cơ cấu nền kinh tế, tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia.

Cách giải:

Cơ cấu kinh tế bao gồm cơ cấu theo ngành, theo thành phần và cơ cấu theo lãnh thổ.

Chọn D.

Câu 8 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, phần Một số quy luật của vỏ địa lí.

Cách giải:

Giới hạn dưới của vỏ địa lí ở lục địa là hết lớp vỏ phong hóa.

Chọn C.

Câu 9 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, phần Địa lí dân cư.

Cách giải:

Yếu tố tự nhiên tác động tới chức năng và bản sắc đô thị.

Chọn D.

Câu 10 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, phần Một số quy luật của vỏ địa lí.

Cách giải:

Nguyên nhân tạo nên quy luật phi địa đới là năng lượng bên trong Trái Đất đã phân chia Trái Đất ra lục địa, đại dương và địa hình núi cao.

Chọn C.

Câu 11 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, phần Một số quy luật của vỏ địa lí.

Cách giải:

Với quy luật về sự thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí, khi tiến hành các hoạt động khai thác tự nhiên trong vỏ địa lí cần hết sức chú ý sự can thiệp vào mỗi thành phần của vỏ địa lí sẽ gây phản ứng dây chuyền tới các thành phần khác.

Chọn B.

Câu 12 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, phần Một số quy luật của vỏ địa lí.

Cách giải:

Khi các vỏ bộ phận (thạch quyển, khí quyển, thủy quyển, sinh quyển) xâm nhập và tác động lẫn nhau được gọi là vỏ địa lí.

Chọn D.**Câu 13 (TH):****Phương pháp:**

SGK Địa lí 10, phần Địa lí dân cư.

Cách giải:

Phong tục tập quán lạc hậu, đặc biệt là tư tưởng “trời sinh voi trời sinh cỏ” ở các vùng nông thôn, hiểu biết về các biện pháp tránh thai còn rất hạn chế và lạc hậu đã dẫn đến tỉ lệ sinh ở các khu vực nông thôn nghèo cao.

=> Phong tục tập quán lạc hậu **không phải** là nhân tố nào làm cho tỉ suất sinh thấp

Chọn A.**Câu 14 (TH):****Phương pháp:**

SGK Địa lí 10, phần Địa lí dân cư.

Cách giải:

Động lực phát triển dân số là tỉ suất tăng tự nhiên dân số.

Chọn C.**Câu 15 (TH):****Phương pháp:**

SGK Địa lí 10, phần Các nguồn lực phát triển kinh tế.

Cách giải:

Phạm vi lãnh thổ là căn cứ phân chia thành nguồn lực trong nước và ngoài nước.

Chọn B.

Câu 16 (TH):**Phương pháp:**

SGK Địa lí 10, phần Các nguồn lực phát triển kinh tế.

Cách giải:

Vốn, thị trường, khoa học và công nghệ, kinh nghiệm quản lí từ các nước khác ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế - xã hội của một nước, được gọi là nguồn lực từ bên ngoài.

Chọn D.

Câu 17 (TH):**Phương pháp:**

SGK Địa lí 10, phần Địa lí dân cư.

Cách giải:

Đặc điểm của tháp dân số kiểu mở rộng là: đáy tháp rộng, đỉnh tháp nhọn, các cạnh thoải

=> Tháp dân số thể hiện tỉ suất sinh cao, trẻ em đông, tuổi thọ trung bình thấp, dân số tăng nhanh

Chọn B.

Câu 18 (TH):**Phương pháp:**

Xem lại kiến thức về đặc điểm của nhóm cơ cấu dân số trẻ.

Cách giải:

Dân số trẻ, tỉ lệ trẻ em (0 – 14) và người già lớn -> tỉ lệ dân số phụ thuộc nhiều.

=> Tỉ lệ phụ thuộc ít **không phải** là đặc trưng các nước có cơ cấu dân số trẻ

Chọn A.

Câu 19 (VD):**Phương pháp:**

SGK Địa lí 10, phần Các nguồn lực phát triển kinh tế.

Cách giải:

Nguồn lực có vai trò quan trọng nhất đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của 1 quốc gia phải là nội lực (các

nguồn lực trong nước: điều kiện tự nhiên, dân cư và lao động, chính sách của nhà nước hay cơ sở hạ tầng,...).

Chọn B.

Câu 20 (VD):

Phương pháp:

Liên hệ đặc điểm cơ cấu các nhóm tuổi của dân số già và dân số trẻ.

Cách giải:

Nhận xét:

- Năm 1999: nước ta có kết cấu dân số trẻ: nhóm tuổi 0 – 14 chiếm 35,1%, (trên 35%) trên 60 tuổi chiếm 5,8% (dưới 10%)

- Tuy nhiên dân số nước ta đang có xu hướng già hóa: năm 2014 nhóm tuổi 0 -14 tuổi giảm xuống còn 23,5%; nhóm tuổi trên 60 tăng lên 7,1%

=> Kết cấu dân số nước ta trẻ nhưng đang có xu hướng già hóa

Chọn D.

Câu 21 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, phần Địa lí dân cư.

Cách giải:

- Di cư có nhiều nguyên nhân, do lực đẩy từ nơi đi như điều kiện tự nhiên thuận lợi, thiếu việc làm,... hay do lực hút ở nơi đến như: điều kiện sống lợi, dễ xin việc, thu nhập cao,...

- Di cư có tác động lớn tới kinh tế, xã hội, môi trường cả nơi đi và nơi đến. Nơi đi có thể gây tình trạng thiếu lao động,... Nơi đến góp phần tạo nên sự phát triển kinh tế, tăng thu nhập; có thể gây nhiều hậu quả về môi trường.

Câu 22 (VD):

Phương pháp:

SGK Địa lí 10, phần Địa lí dân cư.

Cách giải:

Cơ cấu lao động theo các khu vực kinh tế khác nhau giữa các nước do trình độ phát triển kinh tế ở các nước là khác nhau.